TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:35/2022/HNGĐ - ST
Ngày:30/9/2022.
Về "Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân*

1.Ông Nguyễn Hồng Hải.

2.Bà Nguyễn Thị Thanh.

-*Thư ký phiên toà*: Ông Cao Văn Chiến -Thư ký Toà án nhân dân thành phố PhổYên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Phương Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại hội trường Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 286/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1976;

- Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1975;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hg Thị L, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: Xóm TA2, xã PT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh H, chị H có mặt tại phiên toà, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà nguyên đơn Anh Lê Văn H trình bày: Anh và chị Hà Thị H tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng không được gia đình (mẹ an H) đồng ý, nhưng anh chị vẫn tự nguyện chung sống cùng nhau và không đi đăng ký kết hôn, đến bây giờ anh chị vẫn không đi đăng ký kết hôn. Ban đầu khi ở cùng

nhau anh chị nhờ bên gia đình nhà chị H, cho đến năm 2005 thì anh chị về mượn đất của mẹ anh để vợ chồng cùng nhau xây dựng một nhà nhỏ để ở. Đến năm 2018 thì vợ chồng cùng nhau xây dựng nhà hiện tại. Quá trình ở cùng nhau vợ chồng hoà thuận cho đến năm 2010 thì mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm và cách sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng anh chị vẫn ở cùng nhà, cho đến năm 2021 thì anh thấy không thể tiếp tục cuộc sống với chị H được nữa nên làm đơn xin ly hôn với chị H. Do anh chị không có đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Lê Duy K, sinh năm 1998 và cháu Lê Thị Khánh Nh, sinh ngày 03/7/2010. Nay ly hôn cháu K đã trưởng thành cháu muốn ở với ai thì tuỳ cháu. Còn cháu N nay anh chị đã thống nhất thoả thuận giao cho chị H nuôi cháu N và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.000.000đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh chị có tạo dựng khối tài sản chung gồm: nhà chính và công trình phụ được làm trên thửa đất của mẹ anh. Sau khi Toà án về xem xét thẩm định và định giá thì anh và chị H đã thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản và đề nghị Toà án ghi nhận cho anh chị cụ thể như sau:

Anh H được quyền sử dụng 01 nhà một tầng, tường xây gạch chỉ D220 mái lợp tôn, kết cấu khung thép, xây dựng năm 2018 diện tích 103,74 m^2; 01 bếp + nhà vệ sinh tường D110 xây gạch cay, mái lợp Proximăng diện tích 72,8m^2; 01 sân lát gạch Ceramic 50x50 diện tích 74,44 m^2; 01 cổng inox hộp diện tích 8,96 m^2; 01 tường rào xây diện tích 46,4 m^2. Toàn bộ công trình trên được làm trên thửa đất số 197, tờ bản đồ số 39 vị trí thửa đất tại: Xóm TẤ 2, xã PT, thành phố Phổ Yên mang tên bà Hg Thị L. Tổng giá trị số tài sản trên là 388.283.220 đồng và anh H sẽ phải có trách nhiệm trích chia cho chị H 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng). Thời hạn anh H trích trả số tiền trên cho chị H là ngày 12/9/2022. Còn các tài sản trong nhà vợ chồng anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Số tiền 200.000.000đồng anh H đã trả cho chị H vào ngày 12/9/2022 và anh đã giao nộp giấy biên nhận cho Toà án.

Về nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về khoản cho vay chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn chị Hà Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như anh H trình bày. Anh chị tự nguyện đến với nhau nhưng không được sự đồng ý của mẹ anh H nên anh chị không được gia đình hai bên cưới hỏi và vì lúc đó chị đã có thai nên anh chị chung sống cùng nhau tại nhà mẹ đẻ của chị. Quá trình chung sống anh chị không đi đăng ký kết hôn. Còn lý do anh chị đến nay không thể ở với nhau được nữa là do trong quá trình anh H đi làm nghề lái xe có để xảy ra tai nạn dẫn đến việc phải đền tiền, từ đó do không có tiền nên anh chị phát sinh mâu thuẫn chứ vợ chồng không cãi, nói nhau bao giờ vì chị đi làm từ sáng đến tối muộn mới về, nên không có thời gian cãi nhau. Đến nay anh H làm đơn xin ly hôn chị, chị đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Lê Duy K, sinh năm 1998 và cháu Lê Thị Khánh N, sinh ngày 03/7/2010. Nay ly hôn cháu K đã trưởng thành cháu muốn ở với ai thì tuỳ cháu. Còn cháu N có nguyện vọng muốn ở với chị nên anh chị đã thống nhất để cho chị nuôi cháu N và chị đồng ý nhận mức cấp dưỡng như anh H đưa ra là 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi đề nghị Toà án ghi nhận cho anh chị.

Về tài sản chung: Sau khi Toà án tiến hành xem xét thẩm định và định giá thì chị và anh H đã thống nhất được việc phân chia tài sản đúng như anh H trình bày ở trên nên đề nghị Toà án ghi nhận cho anh chị. Số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) anh H đã trích trả cho chị vào ngày 12/9/2022, đến nay chị H đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì khác. Còn các tài sản trong nhà vợ chồng anh chị sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

Về các khoản cho vay chung: Không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Liên vắng mặt tại phiên toà.

Tại biên bản xác minh bà Liên nhất trí và đồng ý để cho anh H ở trên các công trình được xây dựng trên thửa đất của bà.

Tại biên bản xác minh của Toà án với chính quyền địa phương đã xác định được: Hiện tại Uỷ ban nhân dân xã PTn chỉ còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn từ năm 2000 cho đến nay. Sau khi tra cứu thì không thấy có trường hợp nào có tên là Lê Văn H và Hà Thị H đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn H và bà Hà Thị H.

- Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa ông H và bà H về việc nuôi con chung: Bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lê Thị Khánh N, sinh ngày 03/7/2010.

Đối với cháu Lê Duy K, sinh năm 1998 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, cháu muốn ở với ai thì tuỳ cháu, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thoả thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà H 1.000.000đồng/ tháng cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận phân chia tài sản giữa ông H và bà H.

Về nợ chung: Ông H và bà H thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

Về các khoản cho vay chung: Ông H, bà H xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước; về phần án phí tài sản: Do ông H bà H tự thoả thuận với nhau về việc phân chia tài sản trước khi Toà án tiến hành phiên hoà giải nên ông bà không phải chịu tiền án phí tài sản có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 09 tháng 8 năm 2021 ông H có đơn khởi kiện nộp tại Toà án, ngay sau đó ông H có đơn gửi đến Toà án xin tạm dừng việc thụ lý đơn khởi kiện vì tình hình dịch bệnh Covid, đến ngày 14/11/2021ông H có đơn đề nghị Toà án tiếp tục thụ lý đơn khởi kiện. Ngày 15/11/2021 Toà án thụ lý vụ án. Đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về yêu cầu "ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung" giữa nguyên đơn ông Lê Văn H và bị đơn bà Hà Thị H. Bà H có hộ khẩu tại xóm TẤ 2, xã PT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên toà bà Hg Thị Liên vắng mặt. Tuy nhiên bà L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1998, trên cơ sở tự nguyện của hai ông bà nhưng không được cưới hỏi vì khi đó mẹ ông H không đồng ý và ông bà cũng không đi đăng ký kết hôn và cho đến nay ông bà vẫn không đi đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Việc chung sống giữa ông H và bà H Đăng không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông H có đơn xin ly hôn với bà H, bà H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với ông H.Tuy nhiên do ông bà lấy nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên không thể công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà được mà cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà.

[4.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống ông H và bà H đều xác định ông bà có hai con chung là: Lê Duy K, sinh năm 1998 và cháu Lê Thị Khánh N, sinh ngày 03/7/2010. Nay ông H, bà H cùng thống nhất đề nghị Toà án ghi nhận cho ông bà về việc nuôi con chung như sau: Bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lê Thị Khánh N, sinh ngày 03/7/2010. Còn cháu K, sinh năm 1998 đã trưởng thành cháu muốn ở với ai thì tuỳ cháu. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện thoả thuận của ông bà về việc nuôi con chung và cũng phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần ghi nhận cho ông bà.

[4.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông H, bà H thống nhất thoả thuận ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Như cho bà H 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thoả thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông, bà là H toàn tự nguyện và cũng phù hợp với quy định của pháp luật cần ghi nhận cho ông bà.

[4.4]. Về tài sản chung: Sau khi Toà án tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản, ông H và bà H đã thống nhất được việc phân chia tài sản và đề nghị Toà án ghi nhận cho ông bà như sau: Ông H được quyền sử dụng 01 nhà một tầng, tường xây gạch chỉ D220 mái lợp tôn, kết cấu khung thép, xây dựng năm 2018 diện tích 103,74 m^2; 01 bếp + nhà vệ sinh tường D110 xây gạch cay, mái lợp Proximăng diện tích 72,8m^2; 01 sân lát gạch Ceramic 50x50 diện tích 74,44 m^2; 01 cổng inox hộp diện tích 8,96 m^2; 01 tường rào xây diện tích 46,4 m^2. Toàn bộ công trình trên được làm trên thửa đất số 197, tờ bản đồ số 39 vị trí

thửa đất tại: Xóm TẤ 2, xã PT, thành phố Phổ Yên mang tên bà Hg Thị . Tổng giá trị số tài sản trên là 388.283.220 đồng và ông H phải có trách nhiệm trích chia cho bà H số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng). Thời hạn ông H trích trả số tiền trên cho bà H là ngày 12/9/2022, đến nay chị H đã nhậnđủ số tiền trên và không có ý kiến gì khác. Còn các tài sản trong nhà ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy việc thoả thuận tự phân chia tài sản của ông bà khi ly hôn là H toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần ghi nhận cho ông Bà.

[4.5]. Về nợ chung: Ông H và bà H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết

[4.6]. Về các khoản cho vay chung: Ông H, bà H đều xác định, không có nợ chung, các khoản cho vay chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để nộp ngân sách Nhà nước. Về phần án phí tài sản: Do ông H bà H tự thoả thuận với nhau về việc phân chia tài sản trước khi Toà án tiến hành phiên hoà giải nên ông bà không phải chịu tiền án phí tài sản có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 238, 264, 266, 271, 273, 486 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn H và bà Hà Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận về việc nuôi con chung giữa ông Lê Văn H và bà Hà Thị H: Giao cho bà Hà Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Thị Khánh N, sinh ngày 03/7/2010. Ông H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Đối với cháu Lê Duy K, sinh năm 1998 đã trưởng thành đủ 18 tuổi cháu muốn ở với ai thì tuỳ cháu, không đặt ra việc giải quyết

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc thoả thuận giữa ông H, bà H về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà Hà Thị H đối với cháu N 1.000.000đồng (một triệu đồng)/ tháng cho đến khi cháu Như trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022.

Ông H và bà H thống nhất thoả thuận không tính lãi suất chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Ghi nhận việc phân chia tài sản chung giữa ông H và bà H như sau: Giao cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng, sở hữu 01 nhà một tầng, tường xây gạch chỉ D220 mái lợp tôn, kết cấu khung thép, xây dựng năm 2018 diện tích 103,74 m^2; 01 bếp + nhà vệ sinh tường D110 xây gạch cay, mái lợp Proximăng diện tích 72,8m^2; 01 sân lát gạch Ceramic 50x50 diện tích 74,44 m^2; 01 cổng inox hộp diện tích 8,96 m^2; 01 tường rào xây diện tích 46,4 m^2. Toàn bộ công trình trên được làm trên thửa đất số 197, tờ bản đồ số 39 vị trí thửa đất tại: Xóm TẤ 2, xã PT, thành phố Phổ Yên mang tên bà Hg Thị L. Tổng giá trị số tài sản trên là 388.283.220 đồng. Ông Lê Văn H phải có trách nhiệm trích chia cho bà Hà Thị H số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng). Ông H đã trả xong số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) cho bà Hà Thị H vào ngày 12/9/2022, Bà H đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì khác.

Bà Hà Thị H được quyền sử dụng, sở hữu số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng mà ông H đã trích chia.

Các tài sản trong nhà ông bà tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về nợ chung: Ông H và bà H thống nhất tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra việc giải quyết.

6. Về các khoản cho vay chung: Ông H, bà H đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

7. Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Văn H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tại biên lai số 0001944 ngày 15/11/2021. Ông Lê Văn H còn phải nộp tiếp 150.000đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông H, bà H báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Liên vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND thành phố Phổ Yên;*
- *CCTHADS thành phố Phổ Yên;*
- *Cổng thông tin điện tử TANDTC;*
- *UBND xã PT;*
- *Lưu VP, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)

Hà Thị Thu Thủy